TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày 01-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Mạnh Dũng

Bà Trần Thị Diệp

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Hà Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Nông Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, **s**inh ngày 10 tháng 10 năm 1981 tại: huyện L, tỉnh Bắc Giang. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: Lớp 8/12. Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955. Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1956. Vợ: Hoàng Thị C, sinh năm 1983. Cùng trú tại: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008. Anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ 02. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Khối phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị A - Chức vụ: Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Triệu Văn N, sinh năm 1971. Có mặt.

2. Anh Triệu Văn H, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/01/2023, Công an huyện B phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện B, Công an xã Y kiểm tra tại khu R, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình kiểm tra thực địa phát hiện khu rừng Giang P đã bị chặt phát, diện tích chặt phát khoảng 0,5ha. Tại hiện trường những cây gỗ bị chặt hạ gồm các loại cây: Thẩu tấu, sau sau, thành ngành, bồ đề, xoan nhừ và một số cây chưa xác định được tên loài thuộc nhóm gỗ thông thường. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Tháng 01 năm 2022, Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn tìm mua đất rừng để trồng cây phát triển kinh tế. Được biết gia đình bà Hoàng Thị V, sinh năm 1956, trú tại thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có nhu cầu cần bán đất rừng để trang trải cuộc sống, nên vào ngày 05/01/2022, Nguyễn Ngọc T đã đến gia đình bà Hoàng Thị V và thỏa thuận thống nhất cùng nhau mua bán khu rừng thuộc lô 116, khoảnh 3, tiểu khu A thuộc thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo bản đồ hiện trạng rừng xã Y năm 2021 *(Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc Công bố hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn năm 2021)* với giá 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu đồng). Hai bên có làm Biên bản giao và nhận tiền, Biên bản bàn giao đất theo hiện trạng đang sử dụng.

Đến khoảng tháng 10 năm 2022, Nguyễn Ngọc T thuê Triệu Văn N, sinh năm 1971 và Triệu Văn H sinh năm 1990 cùng trú tại thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đến khu R thuộc thôn K, xã Y để cưa cắt cây rừng tự nhiên. Nguyễn Ngọc T trực tiếp có mặt tại khu rừng chỉ đạo Triệu Văn N và Triệu Văn H dùng máy cưa cầm tay, cưa cắt toàn bộ cây rừng tự nhiên trong một ngày với giá 450.000 đồng/ngày, Nguyễn Ngọc T thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho Triệu Văn N và Triệu Văn H. Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân, đã không xin phép Cơ quan chức năng có thẩm quyền mà thuê người cưa, chặt phát cây gỗ rừng tự nhiên tại khu R thuộc thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn với mục đích trồng rừng phát triển kinh tế. Ngoài thuê Triệu Văn N và Triệu Văn H, Nguyễn Ngọc T không thuê ai khác, T không bàn bạc, trao đổi với ai khác, nên không ai biết việc T thuê người cưa cắt cây tự nhiên trên khu R.

Để có căn cứ xử lý, ngày 29/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu giám định số 09/QĐ-TCGĐ về việc trưng cầu ông Hoàng Ngọc L1, Giám định viên tư pháp theo vụ việc lĩnh vực lâm nghiệp, công tác tại Hạt kiểm lâm huyện B, Chi cục kiểm lâm tỉnh L, thuộc Sở Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh L để giám định khu rừng bị chặt phá trên. Tại kết luận giám định tư pháp số 01-2023/KL/GĐCN ngày 28/02/2023, kết luận: Diện tích rừng bị chặt phá là 5.463 m^2 rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc lô 116, khoảnh 3, tiểu khu A, thuộc thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo bản đồ hiện trạng rừng xã Y năm 2021. Diện tích rừng bị chặt phá có trạng thái là rừng tự nhiên nghèo kiệt và không thuộc đối tượng đưa vào trồng mới Rừng sản xuất.

Để phục vụ định giá tài sản thiệt hại về lâm sản do hành vi Hủy hoại rừng của bị cáo Nguyễn Ngọc T gây ra. Ngày 28/7/2023, Hạt kiểm lâm phối hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, chính quyền địa phương đến hiện trường xác định phần cây gỗ có giá trị bị thiệt hại. Kết quả xác định tại thời điểm kiểm tra, diện tích rừng bị huỷ hoại đã bị đốt cháy, không còn có các thân gỗ tại hiện trường, chỉ còn những cành củi nhỏ cháy nham nhở nên tổ công tác không xác định được khối lượng gỗ đã bị cưa phát trên diện tích rừng bị huỷ hoại.

Ngày 04/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B xác định giá trị thiệt hại về môi trường đối với diện tích 5.463 m^2 rừng sản xuất là rừng tự nhiên bị chặt phá, thuộc lô 116, khoảnh 3, tiểu khu A, thuộc thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo bản đồ hiện trạng rừng xã Y năm 2021. Tại Biên bản họp về việc xác định giá trị thiệt hại về môi trường hủy hoại rừng xảy ra tại thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn số 18/BB-HĐĐGTS ngày 06/9/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: Qua nghiên cứu về Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chưa có quy định xác định giá trị thiệt hại về môi trường, do vậy không có cơ sở để xác định giá trị thiệt hại về môi trường đối với 5.463 m^2 rừng sản xuất là rừng tự nhiên bị chặt phá, thuộc lô 116, khoảnh 3, tiểu khu A, thuộc thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo bản đồ hiện trạng rừng xã Y năm 2021.

Quá trình xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Diện tích rừng bị huỷ hoại tại lô A, khoảnh 3, tiểu khu A Bản đồ hiện trạng rừng xã Y năm 2021, ký hiệu là TXK, thuộc thửa số 118, tờ bản đồ số 3 Bản đồ lâm nghiệp xã Y năm 2008, giao cho ông Triệu Văn T3 (là chồng của bà Hoàng Thị V, là bố đẻ của Triệu Văn H) quản lý, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ các tài liệu đã thu thập được, ngày 08/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Ngọc T về tội Hủy hoại rừng quy định tại khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Ngày 03/8/2023, Nguyễn Ngọc T có đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B xin khắc phục hậu quả bằng hình thức trồng rừng mới. Ngày 07/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành làm việc với bà Hoàng Thị A – Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B với tư cách là nguyên đơn dân sự (Theo Giấy uỷ quyền số 1491/UQ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND huyện B). Do không xác định được giá trị

thiệt nên không có căn cứ yêu cầu Nguyễn Ngọc T bồi thường thiệt hại; việc Nguyễn Ngọc T đã có đơn xin khắc phục hậu quả, đồng ý cho Nguyễn Ngọc T khắc phục hậu quả bằng hình thức trồng rừng mới để kịp thời bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước và môi trường sinh thái.

Ngày 05/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện B và Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B tiến hành kiểm tra hiện trường diện tích rừng mà Nguyễn Ngọc T đã huỷ hoại. Kết quả kiểm tra, toàn bộ diện tích rừng mà Nguyễn Ngọc T huỷ hoại đã được trồng cây bạch đàn, khoảng cách giữa các cây là 1,5m, chiều cao cây khoảng 01m.

Đối với gia đình bà Hoàng Thị V đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho Nguyễn Ngọc T. Tuy nhiên việc hủy hoại rừng Giang Pinh với diện tích 5.463 m^2 là do Nguyễn Ngọc T tự ý thuê người thực hiện, bà Hoàng Thị V và gia đình không biết việc Nguyễn Ngọc T thuê người chặt phát toàn bộ cây tự nhiên đã được cấp phép hay không. Do vậy không có căn cứ xử lý đối với gia đình bà Hoàng Thị V.

Đối với Triệu Văn N và Triệu Văn H được Nguyễn Ngọc T thuê chặt, phát rừng. Những người này không được T cho biết việc chặt phát rừng đã được cấp phép hay không, không biết việc tham gia chặt phá rừng là vi phạm pháp luật. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Triệu Văn N Và Triệu Văn H. Đối với hai chiếc máy cưa mà N và H sử dụng để cưa cắt cây tự nhiên thuê cho T đã bị hỏng, không sử dụng được sau đó đã bị thất lạc, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ủy ban nhân dân huyện B có ý kiến do không xác định được giá trị thiệt nên không có căn cứ yêu cầu Nguyễn Ngọc T bồi thường thiệt hại; Việc Nguyễn Ngọc T đã có đơn xin khắc phục hậu quả, đồng ý cho Nguyễn Ngọc T khắc phục hậu quả bằng hình thức trồng rừng mới để kịp thời bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước và môi trường sinh thái. Bị cáo Nguyễn Ngọc T đã trồng cây bạch đàn trên toàn bộ diện tích rừng đã bị chặt phá.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKS-BG ngày 06/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn N1 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo luật định, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khắc phục hậu quả bằng hình thức trồng rừng mới trên toàn bộ diện tích rừng đã bị chặt phá.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nhất trí với bản Cáo trạng, không có ý kiến gì tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện tiếp tục khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện có trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Ngọc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản định giá tài sản, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được công bố, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Khoảng tháng 10 năm 2022, Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang thuê Triệu Văn N, sinh năm 1971 và Triệu Văn H sinh năm 1990, cùng trú tại thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đến khu R thuộc thôn K, xã Y để cưa cắt toàn bộ cây rừng tự nhiên, nhằm mục đích dọn sạch mặt bằng để trồng cây phát triển kinh tế. Qua giám định diện tích rừng bị chặt phá Diện tích rừng bị chặt phá là ***5.463 m^2 rừng sản xuất là rừng tự nhiên*** thuộc lô 116, khoảnh 3, tiểu khu A, thuộc thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo bản đồ hiện trạng rừng xã Y năm 2021. Diện tích rừng bị chặt phá có trạng thái là rừng tự nhiên nghèo kiệt và không thuộc đối tượng đưa vào trồng mới rừng sản xuất. Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Ngọc T biết khu rừng trên là rừng cây tự nhiên không được phép chặt phá, tuy nhiên vẫn thuê người chặt phá rừng. Trước khi chặt phá rừng, bị cáo không làm thủ tục xin phép cơ quan Nhà nước theo quy định. Hành vi phạm tội của Nguyễn Ngọc T đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, gián tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về lĩnh vực trật tự an toàn xã hội. Khi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm Hình sự. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên được coi là có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; đã có đơn xin khắc phục hậu quả và chủ động tự nguyện khắc phục hậu quả. Bị cáo là cháu ruột và đang thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn Văn H1. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do không xác định được giá trị thiệt hại nên không có căn cứ yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường thiệt hại. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo khắc phục hậu quả cho Nhà nước bằng hình thức trồng rừng mới để kịp thời bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước và môi trường sinh thái. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc T đã trồng cây bạch đàn trên toàn bộ diện tích rừng đã bị chặt phá.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Nguyễn Ngọc T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, qua xác minh tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật và quy định tại địa phương nơi cư trú. Đồng thời bị cáo đã tự nguyện chủ động khắc phục hậu quả. Căn cứ Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 và Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, quy định về điều kiện cho hưởng án treo thì bị cáo có đủ điều kiện. Vì vậy, không cần bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú để giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giúp bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo không có tài sản riêng và cũng không đảm nhiệm chức vụ gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo.

[13] Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 50; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội *"Hủy hoại rừng"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khắc phục hậu quả bằng hình thức trồng rừng mới trên toàn bộ diện tích rừng đã bị chặt phá.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

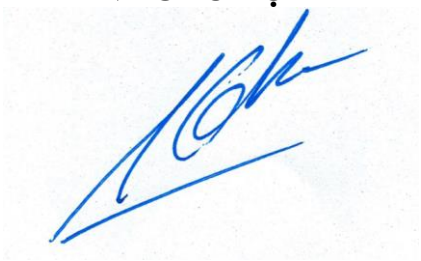

Hoàng Văn Khi